

BÁO CÁO
Công tác cải cách hành chính tỉnh Bình Định Quý I năm 2021

Kính gửi: Bộ Nội vụ

Thực hiện chế độ báo cáo cải cách hành chính định kỳ theo quy định của Bộ Nội vụ, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Bình Định báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính Quý I năm 2021, cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Ban hành kế hoạch cải cách hành chính

Căn cứ các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đề ra của Chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2020 – 2025 của Tỉnh ủy Bình Định, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Bình Định năm 2021¹, trong đó xác định các nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2021 như: Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy về cải cách hành chính; Tổ chức Hội nghị công bố chỉ số cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh và chỉ số mức độ hài lòng của người dân về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước, Hội nghị sơ kết việc thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP; xây dựng, sửa đổi Quy chế đảm bảo an toàn thông tin trong xây dựng chính quyền điện tử...

Căn cứ Kế hoạch của UBND tỉnh, các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố đã chủ động xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch cải cách hành chính năm 2021 của cơ quan, đơn vị, địa phương bảo đảm chất lượng và tiến độ được giao. Các cơ quan đầu mối quản lý các lĩnh vực cải cách hành chính của tỉnh đã tham mưu UBND tỉnh ban hành các Kế hoạch triển khai như: Kế hoạch rà soát hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2021, Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính, Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động các cơ quan hành chính nhà nước năm 2021... làm cơ sở triển khai thực hiện các nhiệm vụ về cải cách hành chính đảm bảo mục tiêu chung đề ra.

2. Về tổ chức chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

Thực hiện Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp, Tổ kiểm tra công vụ của tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 02/KH-TKT ngày

¹ Kế hoạch số 95/KH-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh.

06/01/2021 kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính trong các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Bình Định năm 2021.

UBND tỉnh đã phê duyệt kết quả đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2020 trên địa bàn tỉnh. Theo đó, chỉ số hài lòng của người dân và tổ chức đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2020 đạt giá trị trung bình là 75,36% (trong đó, các cơ quan Trung ương đạt 72,06%; các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh đạt 78,84%, UBND cấp huyện đạt 75,18%).

Triển khai Kế hoạch xác định chỉ số cải cách hành chính năm 2020 của Bộ Nội vụ, UBND tỉnh đã thực hiện việc tự đánh giá, chấm điểm và báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính của tỉnh đối với các tiêu chí, tiêu chí thành phần của Bộ chỉ số cải cách hành chính theo quy định của Bộ Nội vụ².

Để triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021, UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 1327/UBND-KSTT ngày 15/3/2021 chỉ đạo các cơ quan, đơn vị triển khai một số nội dung công việc cụ thể như: đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4; nghiên cứu, xây dựng các quy chế phối hợp giải quyết thủ tục hành chính liên thông; sử dụng chữ ký số để xử lý công việc trên môi trường điện tử; thực hiện nghiêm túc chế độ họp trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước... Trên cơ sở đó, Văn phòng UBND tỉnh đã ban hành Công văn³ đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương có các giải pháp đẩy mạnh việc cung cấp dịch vụ cấp bản sao chứng thực điện tử từ bản chính, thực hiện thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính về đất đai và tiếp nhận hồ sơ trực tuyến mức độ 4 trong lĩnh vực xây dựng. Bên cạnh đó, yêu cầu các cơ quan, đơn vị tiến hành rà soát, đăng ký thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh, đảm bảo đến hết năm 2021, tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên tổng số thủ tục hành chính đạt tối thiểu 50%...

3. Về công tác kiểm tra cải cách hành chính

UBND tỉnh chỉ đạo Tổ kiểm tra công vụ của tỉnh tăng cường kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính tại các cơ quan hành chính tỉnh Bình Định năm 2021 theo Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ⁴. Theo đó, Tổ kiểm tra đã tiến hành kiểm tra (đợt 1) tại 08/11 huyện, thị xã, thành phố, 26/159 xã, phường, thị trấn và 07 trạm Y tế trên địa bàn tỉnh.

Bên cạnh đó, UBND tỉnh đã phê duyệt Kế hoạch kiểm tra việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 tại các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Bình Định năm

² Báo cáo số 22/BC-UBND ngày 24/02/2021 của UBND tỉnh.

³ Công văn số 119/VPUBND-KSTT ngày 23/3/2021 của Văn phòng UBND tỉnh.

⁴ Kế hoạch số 01/KH-TKT ngày 06/01/2021 của Tổ kiểm tra công vụ tỉnh kiểm tra về việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính tại các cơ quan nhà nước tỉnh Bình Định đợt 1 năm 2021.

2021⁵ và giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện Kế hoạch và báo cáo kết quả cho UBND tỉnh sau khi kết thúc các đợt kiểm tra.

4. Về công tác tuyên truyền cải cách hành chính

Để tăng cường hiệu quả công tác tuyên truyền về cải cách hành chính trong năm 2021, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 03/3/2021 về việc tuyên truyền công tác cải cách hành chính tỉnh năm 2021, xác định một số nội dung tuyên truyền trọng tâm như: Các mục tiêu, nhiệm vụ trong Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh năm 2021; kết quả xếp hạng các chỉ số PAPI, PCI, PAR index; việc đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4; đặc biệt, việc chấp nhận cho công dân sử dụng kết quả bản sao chứng thực điện tử từ bản chính để nộp hồ sơ thủ tục hành chính trực tuyến mức độ 3, mức độ 4....

Thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính năm 2021, Văn phòng UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch xây dựng Đề án “Phát huy vai trò của thanh niên trong công tác tuyên truyền, vận động, hướng dẫn Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 cho người dân tại khu dân cư trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021 – 2026”⁶ nhằm xác định cụ thể các nội dung, nhiệm vụ, thời gian hoàn thành và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc xây dựng Đề án, bảo đảm hoàn thành đúng tiến độ được giao.

Các cơ quan, đơn vị tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền cải cách hành chính thông qua Cổng thông tin điện tử của tỉnh và các Trang thông tin điện tử; chủ động lồng ghép các nội dung tuyên truyền về mục tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính trong các buổi sinh hoạt tại cơ quan, đơn vị; hướng dẫn trực tiếp cho các tổ chức, công dân đến giao dịch tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả về cách thức nộp hồ sơ trực tuyến mức độ 3, mức độ 4, dịch vụ bưu chính công ích... Trong Quý I, Văn phòng UBND tỉnh đã đăng tải hơn 40 tin, bài về quy định công tác kiểm soát thủ tục hành chính, kết quả triển khai dịch vụ công trực tuyến tại tỉnh trên Trang thông tin điện tử của Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (Văn phòng Chính phủ) và Cổng thông tin điện tử của tỉnh, góp phần thông tin, tuyên truyền về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật

- Nhằm phát hiện những quy định trái pháp luật, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội; lập và công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật còn hoặc hết hiệu lực thi hành, bị bãi bỏ hoặc cần sửa đổi, bổ sung; đồng thời phát hiện những tồn tại, hạn chế trong công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch rà soát hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2021⁷, Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 22/01/2021 công bố danh mục văn bản quy phạm

⁵ Quyết định số 486/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của UBND tỉnh.

⁶ Kế hoạch số 98/KH-VPUBND ngày 09/3/2021

⁷ Quyết định số 168/QĐ-UBND ngày 14/01/2021 của UBND tỉnh.

pháp luật của HĐND, UBND tỉnh hết hiệu lực toàn bộ, hết hiệu lực một phần năm 2020.

Trong Quý I năm 2021, UBND tỉnh giao Sở Tư pháp tham gia thẩm định 19 dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, góp ý 18 dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và văn bản hành chính khác theo quy định.

2. Cải cách thủ tục hành chính

Ngày 09/02/2021, UBND tỉnh đã phê duyệt Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ban hành Quy chế hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bình Định, hệ thống hóa các quy định trong công tác kiểm soát thủ tục hành chính, xác định các nội dung nhiệm vụ của công tác kiểm soát TTHC gắn với trách nhiệm của cán bộ, công chức được giao nhiệm vụ kiểm soát TTHC tại các cơ quan, đơn vị, địa phương; góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước về TTHC.

Ngoài ra, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2021⁸, Báo cáo công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính Quý I năm 2021⁹. Trong Quý I, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 17 Quyết định công bố Danh mục thủ tục hành chính với 252 thủ tục hành chính (ban hành mới: 18 thủ tục hành chính; sửa đổi, bổ sung: 219 thủ tục hành chính; thay thế 02 thủ tục hành chính và bãi bỏ 13 thủ tục hành chính); 21 Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết 30 thủ tục hành chính liên thông và 69 thủ tục hành chính không liên thông thuộc phạm vi chức năng quản lý của cơ quan, đơn vị.¹⁰

Nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 trên địa bàn tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 840/QĐ-UBND ngày 11/03/2021 công bố Danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 thực hiện tiếp nhận hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công tỉnh Bình Định và Quyết định số 939/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 điều chỉnh Danh mục dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND các xã, phường, thị trấn. Tính đến thời điểm hiện tại, tỉnh Bình Định đã cung cấp 187 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 159 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.

Trong Quý I, các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc tỉnh đã tiếp nhận 108.899 hồ sơ thủ tục hành chính (trực tuyến: 7.608 hồ sơ; trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính 101.291 hồ sơ), trong đó số từ kỳ trước chuyển qua: 6.816 hồ sơ; số lượng hồ sơ đã giải quyết 107.674 hồ sơ (giải quyết trước hạn 103.299 hồ sơ, đúng hạn 2.596 hồ sơ và quá hạn 1.779 hồ sơ); số lượng hồ sơ đang giải quyết: 8.041 hồ sơ (trong hạn 7.873 hồ sơ và quá hạn 168 hồ sơ).

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

- Về công tác tổ chức bộ máy: Nhằm tiếp tục rà soát, kiện toàn tổ chức

⁸ Quyết định số 380/QĐ-UBND ngày 29/01/2021 của UBND tỉnh.

⁹ Báo cáo số 42/BC-UBND ngày 22/03/2021 của UBND tỉnh.

¹⁰ Gồm: Sở Xây dựng, Sở Tư pháp, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Ngoại vụ, Sở Văn hóa và Thể thao

các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện, phân định cụ thể chức năng, phạm vi quản lý của các ngành, tổ chức lại cơ cấu bên trong của các sở, ngành nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 31/12/2020 về việc triển khai thực hiện Nghị định số 120/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; Kế hoạch số 98/KH-UBND ngày 31/12/2020 về việc triển khai thực hiện Nghị định số 108/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ về sắp xếp, tổ chức các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện.

Trong Quý I, UBND tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại 03 cơ quan, đơn vị gồm: các phòng chuyên môn thuộc Sở Tư pháp, các phòng chuyên môn và Chi cục chuyên ngành trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ, Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông trực thuộc Sở Thông tin và Truyền thông.

- Về công tác quản lý biên chế: UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 5279/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 về việc giao chỉ tiêu biên chế công chức, biên chế sự nghiệp; chỉ tiêu lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP năm 2021. Trong Quý I năm 2021, UBND tỉnh đã thực hiện chính sách tinh giản biên chế đợt 1 đối với 31 cán bộ, công chức, viên chức (trong đó: nghỉ hưu trước tuổi: 25 trường hợp, thôi việc: 06 trường hợp).

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

Trong Quý I, Chủ tịch UBND tỉnh đã quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đối với 06 lãnh đạo sở, ban, ngành và tương đương (*bổ nhiệm mới: 03 trường hợp¹¹; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại: 03 trường hợp¹²*), thực hiện chính sách nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích theo chỉ tiêu năm 2020 đối với 384 cán bộ, công chức, viên chức; giao Sở Nội vụ thực hiện thỏa thuận quy trình bổ nhiệm đối với 09 trường hợp¹³.

Sở Nội vụ đã thỏa thuận kết quả tuyển dụng bác sĩ, dược sĩ: 42 bác sĩ, dược sĩ; viên chức thị xã An Nhơn: 14 thí sinh, viên chức của Ban An toàn giao thông tỉnh: 03 thí sinh, Trung tâm xúc tiến đầu tư trực thuộc Sở Kế hoạch đầu tư: 07 thí sinh; thực hiện thỏa thuận bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp 54 viên chức UBND thành phố Quy Nhơn, 03 viên chức Ban An toàn giao thông tỉnh và 09 viên chức thuộc thị xã An Nhơn.

UBND tỉnh đã ban hành Đề án số 02/ĐA-UBND ngày 08/3/2021 về việc tổ chức thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức hành chính lên chuyên

¹¹ Giám đốc Ban Quản lý dự án dân dụng và công nghiệp, Phó Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

¹² Giám đốc Sở Y tế, Phó Giám đốc Sở Công Thương, Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.

¹³ Trưởng phòng Giáo dục Tiểu học mầm non, Hiệu trưởng trường THPT số 3 Phù Cát, Hiệu trưởng trường THPT số 2 Phù Mỹ, thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ, Chi cục trưởng Chi cục bảo vệ môi trường, Chi cục trưởng Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Giám đốc Trung tâm khuyến nông, Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh, Giám đốc Trung tâm Phân tích và đo lường chất lượng.

viên chính tỉnh Bình Định năm 2021; theo đó đề xuất chỉ tiêu thi nâng ngạch từ ngạch chuyên viên lên ngạch chuyên viên chính là 120 chỉ tiêu và thi thăng hạng từ viên chức hành chính lên chuyên viên chính là 30 chỉ tiêu.

Sở Nội vụ đã có báo cáo số 03/BC-SNV ngày 14/01/2021 về kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2020, tổng kết 05 năm thực hiện Quyết định số 163/QĐ-TTg ngày 25/01/2016 về việc phê duyệt đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016 – 2025.

5. Cải cách tài chính công

- Các cơ quan nhà nước khối tỉnh tiếp tục thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP.

Nhìn chung, các đơn vị hành chính trên địa bàn tỉnh đã chủ động hơn trong việc sử dụng biên chế một cách hiệu quả, đồng thời tổ chức sắp xếp lại bộ máy, chú trọng công tác quy hoạch, luân chuyển bố trí và bổ nhiệm cán bộ, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức... chủ động trong việc sử dụng kinh phí quản lý hành chính một cách hợp lý nhất để hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ được giao và tiết kiệm kinh phí, tăng cường cơ sở vật chất, tăng thu nhập cho cán bộ, công chức.

- Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các lĩnh vực: Giáo dục và Đào tạo, Dạy nghề, Y tế, Thông tin và Truyền thông, Văn hóa, Thể thao và Du lịch tiếp tục được giao quyền tự chủ về tài chính theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ.

Tổ chức thực hiện công khai tài chính: việc công khai ngân sách ở các đơn vị sử dụng ngân sách hiện nay đã dần đi vào nề nếp, có nhiều chuyển biến, cơ bản đáp ứng theo quy định về công khai ngân sách nhà nước theo Luật ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 và Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

6. Hiện đại hóa hành chính

UBND tỉnh đã công bố Kết quả đánh giá xếp hạng mức độ ứng dụng Công nghệ thông tin trong các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Định năm 2020¹⁴. Theo đó, đối với Khối các sở, ngành có 17 cơ quan xếp hạng Tốt, 04 cơ quan xếp hạng Khá; đối với Khối UBND cấp huyện có 07 địa phương xếp hạng Tốt, 04 địa phương xếp hạng Khá.

Triển khai thực hiện Công văn số 5934/UBND-HCTC ngày 03/10/2019 của UBND tỉnh về việc ký số và phát hành văn bản điện tử có ký số trên Hệ thống Văn phòng điện tử liên thông, kể từ ngày 10/3/2021, Kho bạc Nhà nước tỉnh Bình Định bắt đầu sử dụng Văn phòng điện tử VNPT-Ioffice và thực hiện việc nhận và gửi văn bản bằng hình thức điện tử có ký số giữa Kho bạc nhà

¹⁴ Quyết định số 5436/QĐ-UBND ngày 31/12/2020.

nước Bình Định và UBND tỉnh, các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Triển khai thực hiện các nhiệm vụ xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh, UBND tỉnh phê duyệt Quyết định số 5360/QĐ-UBND, ngày 29/12/2020 về việc phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Bình Định (Phiên bản 2.0), Quyết định số 429/QĐ-UBND ngày 03/02/2021 về việc phê duyệt Kế hoạch Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền số và các dịch vụ đô thị thông minh tỉnh Bình Định năm 2021. Theo đó, số nhiệm vụ triển khai thực hiện trong năm 2021 là 21 nhiệm vụ, trong đó tập trung các nhiệm vụ: đầu tư, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật và ứng dụng của mô hình chính quyền điện tử tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 – 2025; đầu tư, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, bản quyền phần mềm; xây dựng, nâng cấp phần mềm nội bộ, cơ sở dữ liệu; đầu tư trang thiết bị tại Trung tâm giám sát, điều hành IOC và triển khai các dịch vụ của đô thị thông minh.

Công tác triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 tiếp tục được quan tâm, chỉ đạo thực hiện, nhất là đẩy mạnh việc thực hiện thanh toán trực tuyến đối với các dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 có quy định thu phí, lệ phí. Việc cung cấp Dịch vụ “Chứng thực bản sao điện tử từ bản chính”, Dịch vụ thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính lĩnh vực đất đai và dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 đối với thủ tục “Cấp phép xây dựng” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia ngày càng được triển khai hiệu quả theo yêu cầu của Văn phòng Chính phủ, số liệu cụ thể tính đến ngày 18/3/2021 như sau:

- UBND các xã, phường, thị trấn và Phòng Tư pháp cấp huyện trên địa bàn tỉnh đã tiếp nhận 7.137 hồ sơ "Chứng thực bản sao điện tử từ bản chính", trong đó đã hoàn thành 6.341 hồ sơ. Các địa phương tích cực triển khai Dịch vụ "Chứng thực bản sao điện tử từ bản chính", bao gồm: huyện Hoài Ân (5413 bản), thành phố Quy Nhơn (383 bản) và huyện Tây Sơn (197 bản).

- 06/11 UBND cấp huyện có phát sinh giao dịch hồ sơ dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 đối với thủ tục “Cấp phép xây dựng”. “Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trên tổng số hồ sơ tiếp nhận” cụ thể như sau: huyện Hoài Ân 35/35 hồ sơ, đạt 100%; huyện An Lão 04/04 hồ sơ, đạt 100%, huyện Vĩnh Thạnh 15/16 hồ sơ, đạt 94% và huyện Vân Canh 04/11 hồ sơ đạt 36%.

- 09/12 đơn vị Bộ phận Một cửa của tỉnh đã phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính lĩnh vực đất đai với tổng số tiền thanh toán là 541.620.624 đồng (Bộ phận Một cửa huyện Vân Canh và huyện Vĩnh Thạnh chưa phát sinh hồ sơ giao dịch). Các đơn vị triển khai thực hiện hiệu quả bao gồm: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (42 giao dịch, tổng số tiền thanh toán là 79.462.342 đồng); Bộ phận Một cửa thành phố Quy Nhơn (23 giao dịch, tổng số tiền thanh toán là 112.351.063 đồng); Bộ phận Một cửa huyện Hoài Ân (66 giao dịch, tổng số tiền thanh toán là 213.895.780 đồng); Bộ phận Một cửa huyện An Lão (49 giao dịch, tổng số tiền thanh toán là 41.273.348 đồng) và Bộ

phận Một cửa thị xã Hoài Nhơn (29 giao dịch, tổng số tiền thanh toán là 68.568.964 đồng).

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Tỉnh đã chủ động triển khai công tác cải cách hành chính phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; việc chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh được triển khai tương đối đồng bộ, quyết liệt, bám sát nhiệm vụ trọng tâm của Chính phủ và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh năm 2021.

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị đã quan tâm, chú trọng công tác chỉ đạo, điều hành về cải cách hành chính, tạo điều kiện cho việc triển khai công tác cải cách hành chính tại đơn vị kịp thời, góp phần nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức về công tác cải cách hành chính.

Nhiều cơ chế, chính sách đã được ban hành, sửa đổi hoàn thiện và triển khai thực hiện đáp ứng được yêu cầu thực tiễn của địa phương; phát huy hiệu quả tích cực trong việc thu hút đầu tư, đảm bảo môi trường kinh doanh được thông suốt, công khai và minh bạch. Công tác cải cách thủ tục hành chính, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông gắn với ứng dụng công nghệ thông tin có hiệu quả đã góp phần tạo thuận lợi, giảm chi phí, tiết kiệm thời gian cho người dân và doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính.

2. Tồn tại, hạn chế

Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 phát sinh giao dịch còn hạn chế. Việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan, đơn vị chưa hiệu quả, gây lãng phí ngân sách nhà nước vì hiện nay toàn bộ quy trình giải quyết thủ tục hành chính đã được thực hiện trên Hệ thống một cửa điện tử của tỉnh.

IV. NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRONG QUÝ II NĂM 2021

1. Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội XX Đảng bộ tỉnh về cải cách hành chính, trọng tâm là tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính giai đoạn 2021 – 2025.

2. Ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính tỉnh năm 2021.

3. Tăng cường công tác thanh tra công vụ, kiểm tra công tác cải cách hành chính, kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh.

4. Tổ chức Hội nghị công bố kết quả chỉ số cải cách hành chính năm 2020 của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh và công bố kết quả đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành

chính nhà nước năm 2020.

5. Tổ chức Hội nghị sơ kết 03 năm thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và sơ kết 02 năm hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

6. Tiếp tục triển khai thực hiện các giải pháp đẩy mạnh việc nộp hồ sơ thủ tục hành chính mức độ 3, mức độ 4 trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh và việc thanh toán trực tuyến đối với những thủ tục hành chính có phát sinh thu phí, lệ phí đáp ứng nhu cầu văn minh, hiện đại trong giải quyết thủ tục hành chính và góp phần nâng cao chỉ số cải cách hành chính của tỉnh.

7. Xây dựng Kế hoạch phân bổ biên chế công chức, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập và số lượng lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ.

8. Ban hành Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2021 và giai đoạn năm 2021 – 2025.

9. Tổ chức thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức hành chính lên chuyên viên chính tỉnh năm 2021.

10. Tiếp tục triển khai xây dựng chính quyền điện tử; tăng cường sử dụng chữ ký số cá nhân chuyên dùng của Chính phủ để phê duyệt kết quả giải quyết công việc trên môi trường điện tử; kết nối liên thông giữa các cơ quan hành chính nhà nước với các tổ chức, đoàn thể và doanh nghiệp.

UBND tỉnh Bình Định trân trọng báo cáo Bộ Nội vụ tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các cơ quan TW trên địa bàn tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- THCB, PVHCC, HCTC;
- Lưu: VT, KSTT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lâm Hải Giang

Phụ lục
THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI
CÁCH HÀNH CHÍNH TẠI CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày / / 2021 của UBND tỉnh)

STT	Chỉ tiêu thống kê (Từ ngày 15/12/2020 đến ngày 14/3/2021)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC			
1.1.	Kế hoạch CCHC			
1.1.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	31	
1.1.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	13	
1.1.3.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản	14	
1.2.	Kiểm tra CCHC		-	
1.1.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	-	
1.1.2.	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	-	
1.1.3.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	-	
1.1.4.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	-	
1.3.	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			
1.3.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	06	
1.3.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	04	
1.3.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	-	
1.4.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức			
1.4.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	5.000	
1.4.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	1	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Từ ngày 15/12/2020 đến ngày 14/3/2021)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.5.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	
2.	Cải cách thể chế			
2.1.	Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản	19	
2.2.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	27	
2.3.	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản	-	
2.4.	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản	-	
2.5.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	-	
3.	Cải cách thủ tục hành chính			
3.1.	Thống kê TTHC			
3.1.1.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	18	
3.1.2.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	Thay thế 02, bãi bỏ 13	
3.1.3.	Tổng số TTHC đang có hiệu lực	Thủ tục	1.946	
Trong đó	Số TTHC cấp tỉnh:	Thủ tục	1.439	
	Số TTHC cấp huyện:	Thủ tục	360	
	Số TTHC cấp xã:	Thủ tục	147	
3.2.	Vận hành Cổng dịch vụ công			
3.2.1.	Số TTHC đã cập nhật, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	1.799	
3.2.2.	Số TTHC mức độ 3 và 4 đã tích hợp lên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	250	
3.3.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
3.3.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	351	
3.3.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	147	
3.3.3.	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%	100	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Từ ngày 15/12/2020 đến ngày 14/3/2021)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.3.4.	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%	100	
3.4.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.4.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,33	
3.4.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	96,86	
3.4.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	98,61	
3.4.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực đất đai được giải quyết đúng hạn (ở cả 3 cấp).	%	93,49	11.704/12.519
3.4.5.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực xây dựng được giải quyết đúng hạn (ở cả 3 cấp).	%	98,97	1.817/1.836
3.5.	Vận hành Cổng dịch vụ công			
3.5.1.	Số TTHC được tích hợp lên Cổng DVC	Thủ tục	1.946	
3.5.2.	Số TTHC cung cấp mức độ 3, 4 trên Cổng DVC	Thủ tục	346	
3.5.3.	Số TTHC đã tích hợp dịch vụ thanh toán trực tuyến.	Thủ tục	86	
4.	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước			
4.1.	Cơ cấu tổ chức bộ máy			
4.1.1.	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh	Cơ quan, đơn vị	21	
4.1.2.	Số ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Cơ quan, đơn vị	3	
4.1.3.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Cơ quan, đơn vị	-	
4.1.4.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh	Cơ quan, đơn vị	754	
Trong	<i>Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh</i>	Cơ quan, đơn vị	08	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Từ ngày 15/12/2020 đến ngày 14/3/2021)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
đó	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị	77	
	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	669	
	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%		
4.2.	Số liệu về biên chế công chức			
4.2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	2.199	
4.2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	2.169	
4.2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người	154	Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ- CP
4.2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	08	
4.2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giảm so với năm 2015	%	8,99	227/2.525
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
4.3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	27.020	
4.3.2.	Tổng số người làm việc có mặt	Người	26.411	
4.3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	23	
4.3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	7,81	2.344/30.028
5.	Cải cách chế độ công vụ			
5.1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
5.1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	32	
5.1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyet vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	672	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Từ ngày 15/12/2020 đến ngày 14/3/2021)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5.1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	-	
5.2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
5.2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	-	
5.2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	-	
5.2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	-	
5.2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	Thi tuyển: 26 Xét tuyển: 10	
5.2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	01	
5.3.	Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo			
5.3.1.	Thực hiện tuyển chọn, bổ nhiệm lãnh đạo qua thi tuyển	Đã thực hiện = 1 Chưa thực hiện = 0	0	
5.3.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	03	
5.3.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	05	
5.3.4.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND huyện được bổ nhiệm mới	Người	-	
5.4.	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền).		-	
5.4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	-	
5.4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	01	
5.4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ	Người	-	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Từ ngày 15/12/2020 đến ngày 14/3/2021)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	luật.			
5.4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các ĐVSNCL bị kỷ luật.	Người	-	
6.	Cải cách tài chính công			
6.1.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	06	
6.2.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	37	
6.3.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	348	
6.4.	Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	353	
6.5.	Số lượng đơn vị SNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	-	
7.	Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử			
7.1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản 2.0	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
7.2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	
7.3.	Hệ thống thông tin báo cáo và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	
7.4.	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã được cấp chứng thư số.	%	100	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Từ ngày 15/12/2020 đến ngày 14/3/2021)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
7.5.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	
7.6.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
7.6.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
Trong đó	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.	%	100	
7.6.2.	Tổng số VĂN BẢN ĐI giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh	Văn bản	67.740	
Trong đó	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%	-	
	Tỷ lệ VB được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với VB giấy	%	-	
7.7.	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
7.7.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
7.7.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
7.7.3.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
7.8.	Dịch vụ công trực tuyến			
7.8.1.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3	TTHC	190	
7.8.2.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4	TTHC	155	
7.8.3.	Tỷ lệ HS xử lý trực tuyến mức độ 3	%	21,61	4.011/18.563
7.8.4.	Tỷ lệ HS xử lý trực tuyến mức độ 4	%	45,90	4.052/8.828